

ミサ式次第
日本語—ベトナム語

入祭の歌と行列 〈立つ〉 1-司祭:父と子と聖霊のみ名によって 会衆:アーメン。 司祭:主イエス・キリストの恵み、神の愛、聖霊 の交わりが皆さんとともに。 会衆:またあなたとともに。 2-回心の祈り 司祭:皆さん、聖なる祭儀を行う前に、わたした ちの罪を認め、ゆるしを願いましょう。 一同:全能の神と、兄弟姉妹の皆さんに告白し ます。わたしは、思い、ことば、行い、怠りに よってたびたび罪を犯しました。 聖母マリア、すべての天使と聖人、そして兄弟 姉妹の皆さん罪深いわたしのために神に祈っ てください。 3-司祭:全能の神、いつくしみ深い父がわたし たちの罪をゆるし、永遠のいのちに導いてくだ さいますように。 会衆:アーメン。 4-いつくしみの賛歌 先唱:主よ、いつくしみを。 会衆:主よ、いつくしみをわたしたちに。 先唱:キリスト、いつくしみを。 会衆:キリスト、いつくしみをわたしたちに。 先唱:主よ、いつくしみを。 会衆:主よ、いつくしみをわたしたちに。	Nhập lễ (Đứng) 1-Lm: Nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần. Cđ: Amen Lm: Nguyên xin ân sủng Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh (chị) em. Cđ: Và ở cùng cha. 2-Nghi Thức Sám Hối Lm: Anh (chị) em, chúng ta hãy nhìn nhận tội lỗi chúng ta, để xứng đáng cử hành mầu nhiệm thánh. Cđ: Tôi thú nhận cùng Thiên Chúa toàn năng, và cùng anh (chị) em: tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm, và những điều thiếu sót. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Vì vậy tôi xin Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh, các Thiên Thần, các Thánh và anh (chị) em, khẩn cầu cho tôi trước tòa Thiên Chúa, Chúa chúng ta. 3-Lm: Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội, và dẫn đưa chúng ta đến sự sống muôn đời. Cđ: Amen. 4-Kinh Thương xót X: Xin Chúa thương xót chúng con. Đ: Xin Chúa thương xót chúng con. X: Xin Chúa Kitô thương xót chúng con. Đ: Xin Chúa Kitô thương xót chúng con. X: Xin Chúa thương xót chúng con. Đ: Xin Chúa thương xót chúng con.
---	---

5-栄光の賛歌

天には神に栄光、
地にはみ心にかなう人に平和。
神なる主、天の王、全能の父なる神よ。
私たちは主をほめ、主をたたえ、
主を拝み、主をあがめ、
主の大いなる栄光のゆえに感謝をささげます。
主なる御ひとり子イエス・キリストよ、
神なる主、神の小羊、父のみ子よ。
世の罪を取り除く主よ、いつくしみをわたしたちに。
世の罪を取り除く主よ、わたしたちの願いを聞き入れてください。
父の右に座しておられる主よ、いつくしみをわたしたちに。
ただひとり聖なる方、すべてを超える唯一の主、イエスキリストよ、
聖霊とともに、父なる神の栄光のうちに。
アーメン。

6-集会祈願

司祭：……………祈りましょう。
聖霊による一致のうちに、あなたとともに神であり、世々としえに生き、治められる御子、わたしたちの主イエス・キリストによって。
会衆：アーメン。

ことばの典礼〈座　る〉

7-第1朗読

朗読者：神のみことば。
一同：神に感謝

8-答唱詩編

9-第2朗読

10-アレルヤ唱（詠唱）〈立つ〉

5-Kinh Vinh Danh

Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời,
và bình an dưới thế cho người thiện tâm.
Chúng con ca ngợi Chúa, chúng con chúc tụng Chúa,
chúng con thờ lạy Chúa, chúng con tôn vinh Chúa,
chúng con cảm tạ Chúa vì vinh quang cao cả Chúa.
Lạy Chúa là Thiên Chúa, là Vua trên trời,
Là Chúa Cha toàn năng.
Lạy Con Một Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô,
Lạy Chúa là Thiên Chúa, là Chiên Thiên Chúa
là Con Đức Chúa Cha.
Chúa xóa tội trần gian, xin thương xót chúng con;
Chúa xóa tội trần gian, xin nhậm lời chúng con cầu khẩn.
Chúa ngự bên hữu Đức Chúa Cha, xin thương xót chúng con.
Vì, lạy Chúa Giêsu Kitô, chỉ có Chúa là Đấng Thánh,
chỉ có Chúa là Chúa, chỉ có Chúa là Đấng Tối Cao,
cùng Đức Chúa Thánh Thần trong vinh quang Đức Chúa Cha.
Amen.

6-Lời Nguyện Đầu Lễ

Lm: Chúng ta dâng lời cầu nguyện...
Cd: Amen.

Phụng Vụ Lời Chúa (Ngồi)

7-Bài Đọc I

Người đọc :Đó là Lời Chúa.
Mọi người :Tạ ơn Chúa.

8-Đáp Ca

9-Bài Đọc II

10-Alleluia hay lời tung hô Tin Mừng (Đứng)

11-福音朗読 司祭:主は皆さんとともに。 会衆:またあなたとともに。 司祭: ……による福音。 会衆:主に栄光。 福音朗読 司祭:主のみことば。 会衆:キリストに賛美。 12-説教〈座る〉 13-信仰宣言〈立つ〉 使徒信条 天地の創造主、全能の父である神を信じます。 父のひとり子、わたしたちの主イエス・キリストを信じます。 主は聖霊によってやどり、おとめマリアから生まれ、ポンティオ・ピラトのもとで苦しみを受け、十字架につけられて死に、葬られ、陰府（よみ）に下り、三日目に死者のうちから復活し、天に昇って、 全能の父である神の右の座に着き、生者（せいしゃ）と死者を裁くために来られます。 聖霊を信じ、聖なる普遍の教会、 聖徒の交わり、罪のゆるし、からだの復活、永遠のいのちを信じます。アーメン。 ニケア・コンスタンチノーブル信条 わたしは信じます 唯一の神、全能の父、天と地、 見えるもの、見えないもの、すべてのものの造り主を。 わたしは信じます。唯一の主イエス・キリストを。 主は神のひとり子、すべてに先立って父より生まれ、 神よりの神、光よりの光、まことの神よりのま	11-Phúc Âm Lm: Chúa ở cùng anh chị em. Cđ: Và ở cùng cha Lm: Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo thánh... Cđ: Lạy Chúa, vinh danh Chúa. Đọc Phúc Âm Lm: Đó là lời Chúa. Cđ: Lạy Chúa Kitô, ngợi khen Chúa. Giảng (Ngồi) Kinh Tin Kính (Đứng) Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Chúa GiêSu Kitô là con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi; bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà người xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh; chịu nạn đời quan Phong-xi-ô Phi-la-tô, chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá, chết và táng xác, xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết sống lại; lên trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng; ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết. Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần; tôi tin có hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các Thánh thông công; tôi tin phép tha tội; tôi tin xác loài người ngày sau sống lại; tôi tin hằng sống vậy, Amen. Tôi tin kính một Thiên Chúa, là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình. Tôi tin kính một Chúa Giesu Kitô, con một Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời. Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, ánh sáng bởi ánh sáng. Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản tính với Đức Chúa Cha, nhờ người mà muôn vật được tạo thành. Vì loài người chúng tôi, và để cứu rỗi chúng tôi, Người đã từ trời xuống thế.(từ “Bởi phép Đức
--	---

ことの神、 造られることなく生まれ、父と一体。 すべては主によって造られました。 主は、わたしたち人類のため、 わたしたちの救いのために天からくだり、 聖霊によって、おとめマリアよりからだを受け、人となりました。 ポンティオ・ピラトのもとで、わたしたちのために十字架につけられ、苦しみを受け、葬られ、 聖書にあるとおり三日目に復活し、天に昇り、 父の右の座に着いておられます。 主は、生者（せいしゃ）と死者を裁くために栄光のうちに再び来られます。 その国は終わることがありません。 わたしは信じます。主であり、いのちの与え主である聖霊を。 聖霊は、父と子から出て、父と子とともに礼拝され、栄光を受け、また預言者をとおして語られました。 わたしは、聖なる、普遍の、使徒的、唯一の教会を信じます。罪のゆるしをもたらす唯一の洗礼を認め、死者の復活と来世のいのちを待ち望みます。 アーメン。 14-共同祈願 感謝の典礼〈座る〉 15-奉納の歌と奉納行列 16-パンを供える祈り 司祭: 神よ、あなたは万物の造り主、 ここに供えるパンはあなたからいただいたもの、 大地の恵み、労働の実り、 わたしたちのいのちの糧となるものです。 会衆: 神よ、あなたは万物の造り主。 17-ぶどう酒の準備	Chúa Thánh Thần” đến “và đã làm người” mọi người đều cúi mình). Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh nữ Maria, và đã làm người. Người chịu đóng đinh vào Thập Giá vì chúng tôi, chịu khổ hình và mai táng đời Phong-xi-ô Phi-la-tô. Ngày thứ ba Người sống lại như lời Thánh Kinh. Người lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha, và Người sẽ trở lại trong vinh quang, để phán xét kẻ sống và kẻ chết, nước Người sẽ không bao giờ cùng. Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa, và là Đấng ban sự sống. Người bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra. Người cũng được phụng thờ và tôn vinh với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Người đã dùng các Tiên tri mà phán dạy. Tôi tin có Hội Thánh duy nhất, Thánh Thiên, Công Giáo và tông truyền. Tôi tuyên xưng có một phép rửa để tha tội. Tôi trông đợi kẻ chết sống lại, và sự sống đời sau. Amen. 14-Lời Nguyện Chung Phụng Vụ Thánh Thể 15-Hát dâng lễ và dâng lễ 16-Dâng bánh Lm: Lạy Chúa là Chúa Cả trời đất, Chúc tụng Chúa đã rộng ban cho chúng con bánh này là hoa màu ruộng đất và công lao của con người, chúng con dâng lên Chúa để trở nên bánh trường sinh cho chúng con. Cđ: Chúc tụng Thiên Chúa đến muôn đời. 17-Dâng rượu
--	--

18-司祭:神よ、あなたは万物の造り主、ここに供えるぶどう酒はあなたからいただいたもの、大地の恵み、労働の実り、わたしたちのいのちの糧となるものです。 会衆:神よ、あなたは万物の造り主。 19-清め 20-奉納祈願 司祭:皆さん、ともにささげるこのいけにえを、全能の父である神が受け入れてくださるよう祈りましょう。 会衆〈立つ〉:神の栄光と賛美のため、またわたしたちと全教会のために、あなたの手を通しておささげるいけにえを神が受け入れてくださいますように。 続いて司祭は奉納祈願を唱える。 司祭:……わたしたちの主イエス・キリストによって。 会衆:アーメン。 ● 奉献文 (エウカリスティアの祈り) ● 21-叙唱前句 司祭:主は皆さんとともに。 会衆:またあなたとともに。 司祭:心をこめて、 会衆:神を仰ぎ、 司祭:賛美と感謝をささげましょう。 会衆:それはとうとい大切な務め(です)。 22-叙唱 司祭:聖なる父、全能永遠の神、…………… ……………終わりになくほめ歌います。	18-Lm: Lạy Chúa là Chúa Cả trời đất, Chúc tụng Chúa đã rộng ban cho chúng con rượu này là sản phẩm từ cây nho và công lao của con người, chúng con dâng lên Chúa để trở nên của uống thiêng liêng cho chúng con. Cđ: Chúc tụng Thiên Chúa đến muôn đời. 19-Rửa tay 20-Lm: Anh chị em hãy cầu nguyện để hy lễ của tôi cũng là của anh chị em được Thiên Chúa là Cha toàn năng chấp nhận. Cđ: Xin Chúa nhận hi lễ bởi tay cha, để ca tụng tôn vinh danh Chúa, và mưu ích cho chúng ta cùng toàn thể Hội Thánh Người. Lời Nguyện Tiên Lễ – …Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con. Cđ: Amen. Lời Tiên Tụng 21- Chúa ở cùng anh chị em. Đ. Và ở cùng cha. X. Hãy nâng tâm hồn lên. Đ. Chúng con đang hướng về Chúa. X. Hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa chúng ta. Đ. Thật là chính đáng. 22- Lm: Lạy Cha chí thánh, Và đồng thanh tung hô rằng:
---	---

23-感謝の賛歌（サンクトゥス） 会衆：聖なる、聖なる、聖なる神、すべてを治める神なる主。 主の栄光は天地に満つ。 天には神にホザンナ。 主の名によりて来られる方に賛美。 天には神にホザンナ。 24-第2奉献文 司祭：まことに聖なる神、すべての聖性の源である父よ、 いま、聖霊を注ぎ、この供えものを聖なるものとしてください。 わたしたちのために主イエス・キリストの御からだ（†）御血になりますように。 主イエスはすすんで受難に向かう前に、パンを取り、感謝をささげ、裂いて弟子に与えて仰せになりました。 皆、これを取って食べなさい。 これはあなたがたのために渡されるわたしのからだ（である）」 食事の終わりに同じように杯を取り、感謝をささげ、弟子に与えて仰せになりました。 「皆、これを受けて飲みなさい。これはわたしの血の杯、あなたがたと多くの人のために流されて罪のゆるしとなる新しい永遠の契約の血（である）。これをわたしの記念として行いなさい」 25-記念唱（第2奉献文の記念唱） 司祭：信仰の神秘。 会衆：主よ、あなたの死を告げ知らせ、復活をほめたたえます。再び来られるときまで。	23- Cđ: Thánh! Thánh! Thánh! Chúa là Thiên Chúa các đạo binh. Trời đất đầy vinh quang Chúa. Hoan hô Chúa trên các tầng trời. Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa. Hoan hô Chúa trên các tầng trời. 24-Kinh Tạ Ơn II Lm: Lạy Chúa , Chúa thật là Đấng Thánh, là nguồn mọi sự thánh thiện. Vì thế, chúng con nài xin Chúa dùng ơn Thánh Thần Chúa thánh hóa những của lễ này, để trở nên cho chúng con (†) Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Khi tự nguyện nộp mình chịu khổ hình, Người cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ mà nói: <i>Tất cả các con hãy nhận lấy mà ăn:</i> <i>Vì này là Mình Thầy, sẽ bị nộp vì các con.</i> Cùng một thể thức ấy, sau bữa ăn tối, Người cầm lấy chén, cũng tạ ơn, trao cho các môn đệ mà nói: <i>Tất cả các con hãy nhận lấy mà uống:</i> <i>Vì này là chén Máu Thầy, Máu giao ước mới và vĩnh cửu, sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội. Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy.</i> 25-Tụng Hô Chủ tế: Đây là mầu nhiệm đức tin. Cđ: Lạy Chúa, chúng con loan truyền Chúa chịu chết, và tuyên xưng Chúa sống lại, cho tới khi Chúa đến.
---	---

司祭:聖なる父よ、わたしたちはいま、主イエスの死と復活の記念を行い、み前であなたに奉仕できることを感謝し、いのちのパンと救いの杯をささげます。

キリストの御からだと御血にともにあずかるわたしたちが、聖霊によって一つに結ばれますように。

世界に広がるあなたの教会を思い起こし、教皇〇〇〇〇、わたしたちの司教〇〇〇、すべての奉仕者とともに、あなたの民をまことの愛で満たしてください。

(特定の死者の為にミサがささげられる時は、点線内の祈りを加えることができる。)

(きょう) この世からあなたのもとにお召しになった〇〇〇〇を心に留めてください。

洗礼によってキリストの死に結ばれた者が、その復活にも結ばれることができますように。

また、復活の希望をもって眠りについたわたしたちの兄弟姉妹とあなたのいつくしみのうちに亡くなったすべての人を心に留め、あなたの光の中に受け入れてください。いま、ここに集うわたしたちをあわれみ、神の母おとめマリアと聖ヨセフ、使徒とすべての時代の聖人とともに永遠のいのちにあずからせてください。

御子イエス・キリストを通して、あなたをほめたたえることができますように。

28- 栄唱

司祭:キリストによってキリストとともにキリストのうちに、

聖霊の交わりの中で、全能の神、父であるあなたに、すべての誉れと栄光は、世々にいたるまで、

会衆:アーメン。

Chủ tế: Vì vậy, lạy Chúa, khi kính nhớ Con Chúa chịu chết và sống lại, chúng con dâng lên Chúa bánh trường sinh và chén cứu độ để tạ ơn Chúa,

vì Chúa đã thương cho chúng con được xứng đáng hầu cận trước Tôn Nhan và phụng sự Chúa.

Chúng con tha thiết nài xin Chúa cho chúng con khi thông phần Mình và Máu Đức Kitô,

được quy tụ nên một nhờ Chúa Thánh Thần.

Lạy Chúa, xin nhớ đến Hội Thánh Chúa lan rộng khắp hoàn cầu, để kiện toàn Hội Thánh trong đức mến, cùng với Đức Giáo Hoàng T...Đức Giám Mục T... chúng con và toàn thể hàng giáo sĩ.

<Xin nhớ đến tôi tớ Chúa là T...mà (hôm nay) Chúa đã gọi ra khỏi đời này về với Chúa.

Xin ban cho kẻ đã chết như Con Chúa, thì cũng được sống lại như Người.>

Xin Chúa cũng nhớ đến anh chị em chúng con đang an nghỉ trong niềm hy vọng sống lại, và mọi người, đặc biệt các bậc tổ tiên, ông bà, cha mẹ và thân bằng quyến thuộc chúng con đã ly trần trong tình thương của Chúa. Xin cho hết thảy được vào hưởng ánh sáng Tôn Nhan Chúa.

Chúng con nài xin Chúa thương xót tất cả chúng con, cho chúng con được đồng hưởng sự sống đời đời, cùng với Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, các Thánh Tông Đồ và toàn thể các thánh, đã sống đẹp lòng Chúa qua mọi thời đại, và cùng với các Ngài, chúng con được ca ngợi và tôn vinh Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Chúa.

28-

Chính nhờ Người, với Người và trong Người,

Mà mọi danh dự và vinh quang đều qui về Chúa

Là Cha toàn năng, trong sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần đến muôn đời.

Cđ: Amen.

交わりの儀 (コムニオ) 29-主の祈り 司祭:主の教えを守り、みことばに従い、つつしんで主の祈りを唱えましょう。 会衆:天におられるわたしたちの父よ、 み名が聖とされますように。み国が来ますように。みこころが天に行われるとおりに、地にも行われますように。わたしたちの日ごとの糧を今日もお与えください。 わたしたちの罪をおゆるしてください。 わたしたちも人をゆるします。 わたしたちを誘惑におちいらせず、 悪からお救いください。 30 副文 司祭:いつくしみ深い父よ、すべての悪からわたしたちを救い、世界に平和をお与えください。 あなたのあわれみに支えられ、罪から解放され、すべての困難に打ち勝つことができますように。わたしたちの希望、救い主イエス・キリストが来られるのを待ち望んでいます。 会衆:国と力と栄光は、永遠にあなたのもの。 31 教会に平和を願う祈り 司祭:主イエス・キリスト、 あなたは使徒に仰せになりました。 「わたしは平和を残し、わたしの平和をあなたがたに与える。」 主よ、わたしたちの罪ではなく、教会の信仰を顧み、おことばの通り教会に平和と一致をお与えください。 あなたはまことのいのち、すべてを導かれる神、世々とこしえに。 会衆:アーメン。 32-平和のあいさつ 司祭:主の平和がいつも皆さんとともに。 会衆:またあなたとともに。	Nghi Thức Hiệp Lễ 29- Kinh Lạy Cha Chủ tế: Vâng lệnh Chúa Cứu Thế, và theo thể thức Người dạy, chúng ta dám nguyện rằng: Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày, và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con; xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ. 30- Chủ tế: Lạy Chúa , xin cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, xin đoái thương cho những ngày chúng con đang sống được bình an. Nhờ Chúa rộng lòng thương cứu giúp, Chúng con sẽ luôn luôn thoát khỏi tội lỗi và được an toàn khỏi mọi biến loạn, đang khi chúng con mong đợi niềm hy vọng hồng phúc, và ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ chúng con. Cđ: Vì vương quyền, uy lực và vinh quang là của Chúa đến muôn đời. 31- Chủ tế: Lạy Chúa Giêsu Kitô, Chúa đã nói với các Tông đồ rằng:“Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban bình an của Thầy cho các con”. Xin đừng chấp tội chúng con, nhưng xin nhìn đến đức tin của Hội Thánh Chúa; xin đoái thương ban cho Hội Thánh được bình an và hợp nhất theo thánh ý Chúa. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Cđ: Amen. 31-Chúc bình an Chủ tế: Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em. Cđ: Và ở cùng cha.
---	---

司祭：互いに平和のあいさつをかわしましょう。	Chủ tế: Anh chị em hãy chúc bình an cho nhau.
33 平和の賛歌（アニユス・デイ） 会衆：世の罪を取り除く神の子羊、いつくしみをわたしたちに。 世の罪を取り除く神の子羊、いつくしみをわたしたちに。 世の罪を取り除く神の子羊、平和をわたしたちに。	33- Lạy Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian: xin thương xót chúng con. Lạy Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian: xin thương xót chúng con. Lạy Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian: xin ban bình an cho chúng con.
34-拝領前の信仰告白 司祭：世の罪を取り除く神の小羊、神の子羊の食卓に招かれた人は幸い。 会衆：主よ、私はあなたをお迎えするにふさわしいものではありません。おことばをいただくだけで救われます。	34- Chủ tế: Đây Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa tội trần gian, phúc cho ai được mời đến dự tiệc Chiên Thiên Chúa. Cđ: Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con, nhưng xin Chúa phán một lời, thì linh hồn con sẽ lành mạnh.
35-拝領〈座る〉 司祭：キリストの御からだ。 拝領者：アーメン。	35-Rước lễ <Ngôi> Lm: Mình Thánh Chúa Kitô. Gđ: Amen.
36-拝領後の感謝	36-
37-拝領祈願〈立つ〉 司祭：……祈りましょう。 司祭：……わたしたちの主イエス・キリストによって。 会衆：アーメン。	37-Lời Nguyện Hiệp Lễ（Đứng） Chủ tế: Chúng ta dâng lời cầu nguyện. Cđ: Amen.
閉祭 38-派遣の祝福 司祭：主は皆さんとともに。 会衆：またあなたとともに。 司祭：全能の神、父と子と聖霊の祝福が(†)皆さんの上にありますように。 会衆：アーメン。 司祭：感謝の祭儀を終わります。 行きましょう、主の平和のうちに。 会衆：神に感謝。	Nghi thức kết lễ 38-Chủ tế: Chúa ở cùng anh chị em. Cđ: Và ở cùng cha. Lm: Xin Thiên Chúa toàn năng là Cha, và Con ƣ và Thánh Thần ban phúc lành cho anh chị em. Cđ: Amen. Lm: Lễ xong, chúc anh chị em đi bình an. Cđ: Tạ ơn Chúa.

